

Bản án số: 336/2020/HS-PT

Ngày 04 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Trần Thanh Phong;

Ông Nguyễn Thành Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quang Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 265/2020/TLPT-HS ngày 20 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Quốc B; do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2020/HS-ST ngày 27-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện X.

- Bị cáo bị kháng cáo: Nguyễn Quốc B, sinh năm 1983 tại Đồng Nai; Giấy chứng minh nhân dân số: 27173664X do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 21-01-2014; nơi đăng ký thường trú: Khu phố Đ, phường Ph, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T và bà Võ Thị Th; có vợ tên Nguyễn Thị Hồng Ph và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, chuyển tạm giữ, tạm giam từ ngày 13-02-2020; đến ngày 03-4-2020, được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng bảo lãnh; hiện nay, không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại có kháng cáo: Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1980; nơi đăng ký

thường trú: Số M, Khu phố E, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; cư trú tại: Số C, đường Ph, Khu phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Ph; có mặt tại phiên tòa.
2. Ông Phạm Văn C; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Nguyễn Quốc B và ông Nguyễn Khắc T có mối quan hệ giao dịch kinh doanh với nhau và có phát sinh mâu thuẫn về việc giải quyết công nợ. Khi thấy anh T để xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, biển số 77K-875X và xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, biển số 47L-645X cạnh khu vực cổng lò gạch của B, B nảy sinh ý định chiếm đoạt 02 xe ô tô tải, để bán trừ bớt khoản nợ của anh T.

B đã lén lút đưa 02 xe ô tô trên vào trong khu vực lò gạch của mình, cất giấu, để tìm người mua xe. Đến giữa tháng 01/2020, B đã bán 02 xe ô tô trên cho ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1970 (cư trú tại: Ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai) theo hình thức bán phế liệu với số tiền 54.000.000 đồng; sau đó, anh Huỳnh Ngọc T đã bán 02 xe ô tô trên cho anh Ngô Hữu V, sinh năm 1971 (cư trú tại: Số U, Đường số Y, phường T, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 70.000.000 đồng; anh V đã chở 02 xe ô tô trên ra khỏi lò gạch của B. Đến ngày 12-02-2020, sau khi biết thông tin, ông Nguyễn Khắc T đến Công an huyện X trình báo sự việc. B đã liên lạc với anh V để mua lại 02 xe ô tô trên với giá 85.000.000 đồng và đưa 02 xe ô tô tải trên đến Công an huyện X giao nộp.

2. Vật chứng:

02 xe ô tô nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện X đã trả lại cho ông Nguyễn Khắc T.

3. Định giá:

Tại Kết luận định giá tài sản số: 05/KL-HĐĐG ngày 19-02-2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện X, kết luận: Tổng giá trị sử dụng còn lại của 02 xe ô tô nêu trên là 103.000.000 đồng.

4. Dân sự:

Ông Nguyễn Khắc T đã nhận lại tài sản trên và không yêu cầu gì về dân sự

5. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2020/HS-ST ngày 27-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện X, đã quyết định như sau:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc B phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Xử phạt bị cáo B 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định việc thi hành án treo, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

6. Kháng cáo:

Ngày 08-7-2020, bị hại Nguyễn Khắc T kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Bị cáo Nguyễn Quốc B không thành khẩn khai báo và không ăn năn hối cải; do đó, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo B 02 năm tù cho hưởng án treo là trái pháp luật; đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

7. Người làm chứng tại phiên tòa phúc thẩm trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng Ph là vợ của bị cáo Nguyễn Quốc B, ông Phạm Văn C là bạn của bị cáo B. Vào trưa ngày 19-3-2020, tại quán cà phê thuộc địa phận thành phố B, bà Ph và ông C đã gặp bị hại Nguyễn Khắc T để thương lượng về việc “bãi nại” cho bị cáo B. Tại đây, theo yêu cầu của ông T, ông C đã đưa cho ông T 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); ông T hứa bãi nại, không gây khó dễ cho bị cáo B và đã viết giấy cam kết; giấy này, bà Ph đã nộp cho cấp sơ thẩm (bút lục số 90). Nội dung trình bày trên, bà Ph có chụp ảnh lại và cung cấp cho Hội đồng xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại ông Nguyễn Khắc T thừa nhận “Giấy cam kết” (bút lục số 90) đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án là do ông viết và ký tên. Ông T cũng thừa nhận người trong các tấm hình bà Ph cung cấp chính là ông; đồng thời, thừa nhận có nhận 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng);

nhưng cho rằng, số tiền này, bà Ph trả tiền nợ cho ông trong giao dịch dân sự khác, không phải nhận tiền với nội dung như bà Ph trình bày.

8. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án; do đó, quyết định hình phạt của cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Cấp sơ thẩm xác định: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; nhân thân tốt, không tiền án, không tiền sự; gia đình có công với cách mạng; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại và được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do mâu thuẫn bức xúc trong việc thanh toán tiền công nợ trong kinh doanh giữa bị cáo B và ông Nguyễn Khắc T. Các tình tiết trên được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

+ Cấp phúc thẩm: Bị cáo cung cấp đơn được chính quyền địa phương xác nhận và tài liệu kèm theo, thể hiện ông bà nội của bị cáo có công với cách mạng, ông nội bị cáo tên Nguyễn H và bà nội tên Trần Thị Ng được tặng Huân chương Độc lập hạng Ba, bà Ng được truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng; thuộc khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về hình phạt: Cấp sơ thẩm đã xem xét và đánh giá toàn diện vụ án, quyết định về hình phạt của cấp sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Quốc B là phù hợp và không trái quy định của pháp luật.

[3] Về kháng cáo:

- Tại cấp sơ thẩm, bị hại ông Nguyễn Khắc T nộp “Giấy cam kết” ngày 19-3-2020 (bút lục số 90), thể hiện giữa bị hại và vợ bị cáo (bà Nguyễn Thị Hồng Ph) đã thỏa thuận xong phần dân sự, ông T đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B và sẽ không thắc mắc khiếu nại gì.

- Tại cấp phúc thẩm, bị hại kháng cáo cho rằng bị cáo không thành khẩn khai báo và không ăn năn hối cải. Xét thấy, trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) cho bị cáo Bảo là đúng pháp luật.

- Từ những nội dung trên, kháng cáo của bị hại đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Đối với phần trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định nêu trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Khắc T;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2020/HS-ST ngày 27-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện X.

1. Tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc B 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 27-5-2020.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Quốc B cho Ủy ban nhân dân phường Ph, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về án phí: Bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Tòa án nhân dân huyện X (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện X;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện X;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện X;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện X;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành